TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2021/DS – ST
Ngày 22 – 9 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH B

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phai**
Các Hội Thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhạn**
Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Đèo** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 45/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 18/TB-TA ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *N đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần B**. Trụ sở chính: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Th; Địa chỉ: Số 210, đường Trần Quang K, phường Tr, quận Hoàng K, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn D, Chức vụ: Giám đốc: Chi nhánh B; Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Trần Trung Ng *(Có mặt)*.

- *Bị đơn:* Ông **Lê Thanh H**, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp 2, xã Tân Phong, thị xã G, tỉnh B *(Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, N đơn Ngân hàng TMCP B – Đại diện theo ủy quyền ông Trần Trung N trình bày:

Ngày 01/9/2017 Ngân hàng TMCP B cùng với ông Lê Thanh H ký hợp đồng tín dụng số HDTD92020171698, ông H vay số tiền vốn với thỏa thuận như sau:

+ Vốn gốc là: 180.000.000đ;

+ Lãi suất vay 12%/năm cố định trong 03 tháng đầu tiên, sau ngày 06/12/2017 áp dụng lãi suất thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức như sau : Lãi suất cho vay = lãi suất tiết kiệm cuối kỳ 13 tháng + Margin (Margin hiện là 4,75%/năm);

+ Thời hạn vay 60 tháng ;

+ Mục đích vay : Tiêu dùng.

Vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Hình thức thanh toán trả góp hàng tháng.

Trong quá trình vay, tính đến ngày 10/7/2019 ông H đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền là 96.271.181đ (Trong đó nợ gốc 63.000.079đ, tiền lãi là 33.271.102đ).

Tính đến ngày 22/9/2021 ông Lê Thanh H còn nợ Ngân hàng TMCP B vốn, lãi tổng cộng là 159.963.219đ, trong đó nợ vốn gốc là 116.999.893đ, nợ lãi tổng cộng là 42.963.326đ (Trong đó: lãi còn phải trả là 25.054.831, lãi quá hạn là 17.908.495đ).

Từ ngày ký kết hợp đồng và nH tiền vay, ông H không thanh toán đầy đủ vốn gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP B, người vay đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thanh H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ vay vốn gốc, lãi tính đến ngày 22/9/2021 tổng cộng là 159.963.219đ, trong đó nợ vốn gốc là 116.999.893đ, nợ lãi tổng cộng là 42.963.326đ (Trong đó: lãi còn phải trả là 25.054.831, lãi quá hạn là 17.908.495đ) và tiền lãi tiếp theo kể từ ngày 23/9/2021 theo hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn ông Lê Thanh H:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Lê Thanh H theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

N đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 và 234 BLTTDS. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02, Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt ông H là đúng theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Chấp nH yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B về việc yêu cầu ông Lê Thanh H trả số tiền vay vốn lãi tính đến ngày 22/9/2021 tổng cộng là 159.963.219đ, trong đó nợ vốn gốc là 116.999.893đ, nợ lãi tổng cộng là 42.963.326đ (Trong đó: lãi còn phải trả là 25.054.831, lãi quá hạn là 17.908.495đ)

và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 23/9/2021 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B, Hội đồng xét xử nH định:

[1]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Thanh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Giao dịch vay tài sản giữa Ngân hàng TMCP B và ông Lê Thanh H là có xảy ra trên thực tế, cụ thể: Ngày 01/9/2017 Ngân hàng TMCP B cùng với ông Lê Thanh H ký hợp đồng tín dụng số HDTD92020171698, ông H vay số tiền vốn với thỏa thuận như sau:

+ Vốn gốc là: 180.000.000đ;

+ Lãi suất vay 12%/năm cố định trong 03 tháng đầu tiên, sau ngày 06/12/2017 áp dụng lãi suất thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức như sau : Lãi suất cho vay = lãi suất tiết kiệm cuối kỳ 13 tháng + Margin (Margin hiện là 4,75%/năm);

+ Thời hạn vay 60 tháng ;

+ Mục đích vay : Tiêu dùng.

+ Vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Hình thức thanh toán trả góp hàng tháng.

Trong quá trình vay, tính đến ngày 10/7/2019 ông H đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền là 96.271.181đ (Trong đó nợ gốc 63.000.079đ, tiền lãi là 33.271.102đ).

Tính đến ngày 22/9/2021 ông Lê Thanh H còn nợ Ngân hàng TMCP B vốn, lãi tổng cộng là 159.963.219đ, trong đó nợ vốn gốc là 116.999.893đ, nợ lãi tổng cộng là 42.963.326đ (Trong đó: lãi còn phải trả là 25.054.831, lãi quá hạn là 17.908.495đ).

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Lê Thanh H phải trả toàn bộ khoản nợ vốn lãi tính đến ngày 22/9/2021 tổng cộng là 159.963.219đ, trong đó nợ vốn gốc là 116.999.893đ, nợ lãi tổng cộng là 42.963.326đ (Trong đó: lãi còn phải trả là 25.054.831, lãi quá hạn là 17.908.495đ) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/9/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết.

[2] Xét thấy, Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số: HDTD92020171698 ngày 22/9/2021 giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao

dịch không vi phạm điều cấm của Pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên ký kết hợp đồng thỏa mãn Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015, nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật và buộc các bên có nghĩa vụ thi hành.

Trong quá trình vay, tính đến ngày 10/7/2019 ông H đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền là 96.271.181đ (Trong đó nợ gốc 63.000.079đ, tiền lãi là 33.271.102đ)

Đến nay, ông H không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng TMCP B. Dó đó, bị đơn ông H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, cần được chấp nH yêu cầu khởi kiện của N đơn Ngân hàng TMCP B, buộc ông Lê Thanh H trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ tính đến ngày 22/9/2021 tổng cộng là 159.963.219đ, trong đó nợ vốn gốc là 116.999.893đ, nợ lãi tổng cộng là 42.963.326đ (Trong đó: lãi còn phải trả là 25.054.831, lãi quá hạn là 17.908.495đ) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/9/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp với quy định nêu trên nên HĐXX ghi nH.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm buộc bị đơn ông Lê Thanh H phải nộp là 7.998.161đ, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, khi án có hiệu lực pháp luật. Số tiền dự nộp 3.549.000đ của Ngân hàng TMCP B tại lai thu số 0002335 ngày 29/01/2021 tại Chi cục thi hành dân sự thị xã G sẽ được hoàn lại đủ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 5, khoản 1 Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nH yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với ông Lê Thanh H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Thanh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B nợ vốn, lãi tính đến ngày 22/9/2021 tổng cộng tổng cộng là 159.963.219đ, trong đó nợ vốn gốc là 116.999.893đ, nợ lãi tổng cộng là 42.963.326đ (Trong đó: lãi còn phải trả là 25.054.831, lãi quá hạn là 17.908.495đ).

Thời hạn tính lãi tiếp theo (ngày 23/9/2021) ông Lê Thanh H, còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi

suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông H vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc bị đơn ông Lê Thanh H phải nộp là 7.998.161đ, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, khi án có hiệu lực pháp luật. Số tiền dự nộp 3.549.000đ của Ngân hàng TMCP B tại lai thu số 0002335 ngày 29/01/2021 tại Chi cục thi hành dân sự thị xã G sẽ được hoàn lại đủ.

3. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nH được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh B;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Phai